

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh An Giang

(Kèm theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh An Giang (gọi tắt là Đề án).

Quy định này không áp dụng đối với các Đề án được quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Nguồn kinh phí huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

Điều 3. Nội dung và mức chi

1. Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi và kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết các cấp ở địa phương: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày

08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo); chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh An Giang.

4. Chi kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập, gồm:

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND.

b) Chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh An Giang.

5. Chi tiền điện đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC.

6. Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục:

a) Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND.

b) Chi hỗ trợ thấp sáng ban đêm (đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm): Theo hóa đơn tiền điện nhưng không quá 120.000 đồng/tháng/lớp.

c) Chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập: 385.000 đồng/lớp/năm học, sách giáo khoa dùng chung cho lớp xóa mù chữ ban đêm: 520.000 đồng/bộ; cho lớp học phổ cập giáo dục tiểu học: 589.000 đồng/bộ; cho lớp học phổ cập giáo dục trung học cơ sở: 497.000 đồng/bộ.

d) Chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND.

đ) Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xóa mù, chống mù chữ thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục đào tạo công lập: Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC.

e) Chi hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho tình nguyện viên được huy động tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND.

7. Chi khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các mức chi tại Quy định này là mức chi cụ thể làm căn cứ để Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định mức chi hỗ trợ thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” theo quy định tại cơ quan, đơn vị.

2. Các nội dung, mức chi có liên quan không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2022/TT-BTC và các quy định hiện hành của địa phương.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bởi văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới.